TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH
Số: 38 /2023/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bố Trạch, ngày 24 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 76/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/10/2023, giữa:

-Nguyên đơn: Anh Phan Đình H, sinh năm 1968.

Trú tại: Thôn 1, thị trấn H, huyện B, tỉnh Q.

-Bị đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1976.

Trú tại: Thôn 6, thị trấn H, huyện B, tỉnh Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2012, quyển số 01/2012, ngày 29/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện B, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 16 tháng 11 năm 2023, về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 76/2023/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 16 tháng 11 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Anh Phan Đình H và chị Hoàng Thị T;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con chung: Anh H và chị T thỏa thuận, thống nhất giao con Phan Hoàng Bảo T, sinh ngày 01/10/2013 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; anh H không phải đóng góp phí tổn nuôi con cho chị T vì chị T không yêu cầu.

Cấm chị T ngăn cản anh H quyền thăm nom và chăm sóc con.

* Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức

thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, án phí vụ kiện ly hôn 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), mỗi người chịu mỗi nữa; anh H thỏa thuận, tự nguyện nộp thay cho cả phần chị T; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh H đã nộp theo Biên lai số 0002820 ngày 05/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, chị T và anh H đã nộp đủ án phí; anh Hanh được nhận lại số tiền 150.000 (một trăm năm mươi nghin) đồng.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
-Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
-VKS huyện BốTrạch(2 bản);
- Anh Phan Đình H;
- Chị Hoàng Thị T;
- Chi cục T.H.A DS huyện Bố Trạch;
-Ban Tư pháp UBND TT H (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

§· ký

Nguyễn Thanh Vân